

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 400/2023/HC-PT

Ngày 15/12/2023.

V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán:

ông Trương Minh Tuấn
ông Phạm Tồn

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 268/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 341/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1987 (theo văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023).

Địa chỉ: đội A, thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Đình P - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q (theo văn bản ủy quyền số 105/QĐ-VPĐKĐ ngày 24/4/2023).

Địa chỉ trụ sở: số E đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lâm Văn P1 - Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S.

Địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Thanh T1 - Q. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 26/5/2022, ông Nguyễn Tấn T nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20 xã T, diện tích 453m², loại đất trồng cây hàng năm đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện S, hẹn trả kết quả ngày 15/8/2022.

Đến ngày hẹn, Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S có Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 về việc trả hồ sơ không giải quyết. Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S căn cứ khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ trả hồ sơ không giải quyết do không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, xã T của ông Nguyễn Tấn T đang sử dụng, được UBND xã T xác nhận tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 24/10/2019 đất ông Nguyễn Tấn T khai hoang năm 1994, sử dụng ổn định không tranh chấp. Theo nội dung trong Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã T xác nhận ngày 24/10/2019, thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20 không tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không thuộc quỹ đất công ích của xã; niêm yết công khai ngày 07/10/2019 (lý do năm 2019 ông T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sau khi ông T kê khai và được UBND xã T xác nhận nguồn gốc đất, ông T bị bệnh nên không nộp được hồ sơ được).

Thửa đất trên ông T khai hoang từ năm 1994 để trồng cây cỏ phục vụ việc chăn nuôi gia súc, không vi phạm pháp luật đất đai. Theo quy định tại Điều 95, Điều 99, Điều 101 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 20, Điều 60, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ thì ông T được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q

trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Tấn T là hành vi hành chính trái pháp luật. Nay ông Nguyễn Tấn T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Tấn T tại Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, xã T theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q trình bày:*

Việc lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn T: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện S tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn T tại thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453m², xã T.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, chi nhánh huyện S đã tiến hành kiểm tra, rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, cụ thể: Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, tại trang số 72, thửa đất số 1079, diện tích 2.208m² thuộc đất chưa phân phối sử dụng; Sổ mục kê đất do UBND xã T lập năm 1999, tại trang số 142, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 951m² thuộc đất do U; kiểm tra hồ sơ kê khai đăng ký đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý, sử dụng thì: thửa đất ông T đề nghị cấp Giấy chứng nhận, UBND xã T đã kê khai đăng ký đất do UBND xã T quản lý theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q.

Căn cứ khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc chi nhánh huyện S ban hành Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 trả hồ sơ không giải quyết là có cơ sở và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S trình bày: nguồn gốc thửa đất 369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453,5m² (bản đồ đo vẽ năm 2018) thì theo hồ sơ, bản đồ giải thửa thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập ngày 30/4/1987 tại trang số 72, thuộc thửa đất số 1.079, diện tích 2.208m², tờ bản đồ giải thửa số 6, loại đất (Hgdb) thuộc đất chưa phân phối sử dụng; theo hồ sơ địa chính thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất do xã T lập ngày 20/4/2004, tại quyền số 3, thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ giải thửa số 21, diện tích 951m² thuộc đất RTS do UBND xã quản lý.

Ngày 26/5/2022, ông Nguyễn Tấn T lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 369, tờ bản đồ số 20 (bản đồ đo vẽ năm 2018), diện tích 453,5m² loại đất trồng cây hàng năm khác. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, thửa đất

369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453,5m², loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc đất UBND xã quản lý. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị số 09/CT của UBND tỉnh Q thì UBND xã T có đơn kê khai đăng ký tại thửa đất trên.

Ngày 17/6/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S có Thông báo số 7582/TC-CNST về việc không giải quyết hồ sơ. Như vậy, thửa đất mà ông Nguyễn Tấn T đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thuộc đất UBND xã quản lý qua các thời kỳ. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn T không đủ điều kiện để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S trả hồ sơ cho ông Nguyễn Tấn T là đúng quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã T *trình bày*: theo hồ sơ địa chính thì hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 1079, tờ bản đồ 6, diện tích 2.200m², loại đất hoang, do HTX N quản lý.

Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP: thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ 21, diện tích 951m², loại đất RTS do UBND xã kê khai trong Sổ mục kê đất.

Theo Bản đồ đo mới 2018: thuộc thửa đất số 369, tờ bản đồ 20, diện tích 453m², loại đất CLN.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: năm 2019, ông T có nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 369, tờ bản đồ 20. Qua kiểm tra, xác minh và lấy ý kiến khu dân cư nguồn gốc thửa đất trên do UBND xã T quản lý, năm 1994 ông Nguyễn Tấn T đã khai hoang sử dụng trồng cây. Ngày 24/10/2019, Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận hồ sơ đề có cơ sở trình cấp thẩm quyền xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Thực hiện Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc tăng cường quản lý đất công ích và đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý. Căn cứ theo hồ sơ địa chính từ thời điểm thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại Sổ mục kê ruộng đất lập ngày 15/12/1986 là đất hoang do HTX N quản lý. Theo hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ tại Sổ mục kê đất lập ngày 22/3/1999 do UBND xã T kê khai, đăng ký. Đến năm 2021, Ủy ban nhân dân xã T đã có đơn kê khai đăng ký quản lý đối với thửa đất trên theo quy định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 8, Điều 22, Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Tấn T tại Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, xã T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Tấn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Phạm Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S và Ủy ban nhân dân xã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông Nguyễn Tấn T cho rằng nguồn gốc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453,5m² tại xã T, loại đất trồng cây hàng năm khác do ông khai hoang từ năm 1994 để trồng cây cỏ phục vụ việc chăn nuôi gia súc, được UBND xã T xác nhận tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư và tại Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: đất không tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không thuộc quỹ đất công ích của xã. Ngày 26/5/2022, ông T nộp hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20 nói trên tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, chi nhánh huyện S.

[2.2] Căn cứ hồ sơ địa chính và trình bày của UBND xã T ngày 05/7/2023 thể hiện: tại Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ tại trang số 72, thửa đất số 1079, diện tích 2.208m², đất chưa phân phối sử dụng. Thực hiện Nghị định 64/CP, thửa đất này biến động thành các thửa đất số 125, diện tích 951m²; thửa đất số 155, diện tích 648m²; thửa đất số 156, diện tích 202m² cùng tờ bản đồ số 21 và một phần diện tích là đường đi. Thửa đất số 125 và thửa đất số 156 do UBND xã T quản lý, còn thửa đất số 155 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T2. Theo bản đồ đo vẽ năm 2018 thì thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21 biến động thành thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453m² và một phần diện tích là đường đi. Ngày 15/5/2021, Ủy ban nhân dân xã T nộp hồ sơ đăng ký đất đai đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20 theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai và Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, diện tích 453m², loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc đất do UBND xã T quản lý. Ông T là người sử dụng thửa đất số 369 nhưng ông không đăng ký kê khai và không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Mặt khác, theo Công văn số 182/UBND ngày 28/6/2023 của UBND xã T khẳng định: việc UBND xã T xác nhận trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn T vào năm 2019 là không chính xác. Như vậy, trường hợp của ông T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S căn cứ vào khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai ban hành Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 về việc trả hồ sơ không giải quyết đối với ông T là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Do yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Tấn T là hành vi hành chính trái pháp luật không được chấp nhận nên yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, xã T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tấn T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng Điều 8, Điều 22, Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ không giải quyết cho ông Nguyễn Tấn T tại Thông báo số 7582/TB-CNST ngày 17/6/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tấn T đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 20, xã T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Tấn T.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên